|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị báo cáo: ................** |  |  **Mẫu số B09a-DN** |
| **Địa chỉ: ..............................** |  |  (Ban hành tại Thông tư số: 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) |

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**

***Quý ... năm ...***

**I. Đặc điểm hoạt động SXKD của doanh nghiệp**

1. Hình thức sở hữu vốn.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

3. Ngành nghề kinh doanh.

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của DN trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

**II. Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày .../.../... kết thúc vào ngày .../.../...).

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

1. Chế độ kế toán áp dụng.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

3. Hình thức kế toán áp dụng.

**IV. Các chính sách kế toán đang áp dụng**

DN phải công bố việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và Báo cáo tài chính năm gần nhất là đang cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Trường hợp có thay đổi thì phải mô tả sự thay đổi và nêu rõ ảnh hưởng của các thay đổi đó.

**VI. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ**

1. Giải thích về tính thời vụ, tính chu kỳ của các hoạt động SXKD trong kỳ kế toán là giữa niên độ.

2. Trình bày tính chất, giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến các chỉ tiêu: tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần, hoặc các luồng tiền khác được xem là yếu tố bất bình thường do tính chất, quy mô cũng như tác động của chúng.

3. Trình bày những biến động trong nguồn vốn CSH và giá trị luỹ kế tính đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như phần thuyết minh tương ứng và mang tính so sánh của cùng kỳ kế toán trên của niên độ liền trước.

4. Tính chất, giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước, nếu những thay đổi này có ảnh hưởng mang tính trọng yếu đến kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại.

5. Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các loại chứng khoán nợ, chứng khoán vốn.

6. Cổ tức đã trả (nêu rõ là tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (chỉ áp dụng cho công ty cổ phần).

7. Trình bày doanh thu và kết quả hoạt động SXKD bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý dựa trên cơ sở phân chia của báo cáo bộ phận (chỉ áp dụng cho công ty niêm yết).

8. Trình bày những sự kiện mang tính trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đó.

9. Trình bày những thay đổi trong các khoản nợ hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

10. Trình bày các thông tin khác (nếu có).

*Lập, ngày ... tháng ... năm ...*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| (Ký, ghi rõ họ tên) - Số chứng chỉ hành nghề; - Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán (nếu có) | (Ký, ghi rõ họ tên) | (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

***Lưu ý:***

 - *Nội dung các chỉ tiêu và mã số của báo cáo này như các chỉ tiêu trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (năm) theo Mẫu B03 –DN.*

 *- Các chỉ tiêu không cần thuyết minh có thể được đánh lại thứ tự để đảm bảo tính liên tục trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp.*